

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 985/TTg-CN ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né;

Căn cứ Quyết định số 2354/QĐ-BVHTTDL ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công nhận Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận;

Xét Tờ trình số 4398/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 125/BC-HĐND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

a) Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: Diện tích lập quy hoạch khoảng 14.760 ha, cụ thể:

- Khu vực thành phố Phan Thiết khoảng 6.625 ha (phường Mũi Né khoảng 2.525 ha, phường Hàm Tiến khoảng 1.004 ha, phường Phú Hải khoảng 532 ha, xã Thiện Nghiệp khoảng 2.564 ha): Bao gồm dải đất ven biển từ phường Phú Hải (giáp sông Phú Hải) đến hết ranh giới phường Mũi Né, được giới hạn bởi đường Võ Nguyên Giáp, đường ĐT.715, đường giao thông liên xã hiện trạng xã Thiện Nghiệp, đường quy hoạch theo Quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Bình.

- Khu vực huyện Bắc Bình khoảng 7.165 ha (xã Hòa Thắng khoảng 6.030 ha và xã Hồng Phong khoảng 1.135 ha): Bao gồm dải đất ven biển từ ranh giới xã Hồng Phong đến hết ranh giới xã Hòa Thắng, được giới hạn bởi đường ĐT.716 (đường Hòa Thắng - Hòa Phú), đường quy hoạch theo Quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Bình, ranh giới Khu du lịch Bàu Trắng.

- Khu vực huyện Tuy Phong khoảng 970 ha (thuộc xã Hòa Phú - nay thuộc thị trấn Phan Rí Cửa): Bao gồm dải đất ven biển từ ranh giới xã Hòa Thắng đến khu vực giáp sông Lũy xã Hòa Phú (nay thuộc thị trấn Phan Rí Cửa), được giới hạn bởi đường ĐT.716, đường quy hoạch theo Quy hoạch sử dụng đất huyện Tuy Phong.

(Kèm theo Bản đồ phạm vi ranh giới)

b) Phạm vi nghiên cứu gián tiếp bao gồm các khu vực lân cận ranh giới Khu du lịch quốc gia Mũi Né, thuộc địa bàn các huyện Bắc Bình, Tuy Phong và thành phố Phan Thiết được xác định theo Quốc lộ 1 và đường Phan Rí Cửa - Hồng Liêm để đảm bảo kết nối đồng bộ về tổ chức không gian, quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật với các khu vực lân cận.

3. Quan điểm lập quy hoạch:

- Quan điểm kế thừa và phù hợp: Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né cụ thể hóa Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 18/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch 1772); phù hợp với các quy hoạch, định hướng phát triển của cả nước, vùng và của tỉnh như: Quy hoạch phát triển du lịch Việt Nam, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ, Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phan Thiết đến năm 2040, Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng, Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch Bàu Trắng, Quy hoạch chung xây dựng khu

vực ven biển Hòa Thắng - Hòa Phú, Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Quan điểm phát triển bền vững: Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né gắn với bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị tài nguyên nổi trội như biển, cát, cảnh quan thiên nhiên, các giá trị văn hóa, đặc biệt là thắng cảnh Bàu Trắng, Bàu Sen, Tháp PoShaInur, Đồi Cát Bay Mũi Né...; gắn với bảo vệ môi trường, từng bước thích nghi, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai.

- Quan điểm hiệu quả: Kết nối với các điểm tiềm năng du lịch quan trọng khác của tỉnh, trong vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Nam Tây Nguyên; phát triển du lịch đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đảm bảo an ninh - quốc phòng.

4. Tầm nhìn dự kiến: Khu du lịch quốc gia Mũi Né trở thành trung tâm du lịch mang tầm quốc tế, một trong những điểm đến hàng đầu, có tính cạnh tranh cao không chỉ trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương mà cả khu vực Trung Đông.

5. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Xây dựng và phát triển Khu du lịch Quốc gia Mũi Né thành trung tâm du lịch mang tầm quốc tế, một trong những điểm đến hàng đầu của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và là trung tâm phát triển du lịch đi đầu trong vùng du lịch Nam Trung Bộ.

- Là cơ sở, căn cứ pháp lý để xác định các dự án, quy hoạch nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng, giải quyết các hạn chế, bất cập còn tồn tại và kiểm soát phát triển tại Khu du lịch quốc gia Mũi Né.

6. Tính chất:

- Là trung tâm du lịch với sản phẩm du lịch nổi bật là du lịch nghỉ dưỡng biển, thể thao biển, du lịch gắn với đặc trưng cảnh quan và địa hình “Cát”.

- Là khu du lịch quốc gia phát triển du lịch hài hòa với phát triển đô thị.

- Là trung tâm văn hóa, lễ hội gắn với các giá trị nổi bật về Văn hóa Chăm, văn hóa cộng đồng dân cư miền biển và các lễ hội truyền thống.

7. Dự báo quy mô:

- Dân số (bao gồm cả dân số quy đổi từ khách du lịch): Dự báo quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 100.000 - 150.000 người; đến năm 2030 khoảng 150.000 - 200.000 người; đến năm 2035 khoảng 200.000 - 250.000 người; đến năm 2040 khoảng 250.000 - 300.000 người; đến năm 2050 khoảng 300.000 - 500.000 người.

- Khách du lịch: Dự báo quy mô khách du lịch đến năm 2025 đón khoảng 9 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế khoảng 1,5 triệu lượt khách); đến

năm 2030 đón khoảng 14 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế khoảng 2,5 triệu lượt khách); đến năm 2035 đón khoảng 19 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế khoảng 4 triệu lượt khách); đến năm 2040 đón khoảng 25 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế khoảng 6 triệu lượt khách); đến năm 2050 đón khoảng 35 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế khoảng 11 triệu lượt khách).

(Quy mô sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch).

8. Các yêu cầu nội dung quy hoạch:

a) Phân tích và đánh giá vị thế, mối liên hệ vùng:

- Phân tích, đánh giá vị thế, mối liên hệ vùng và tác động ngoại vi có liên quan đến Khu du lịch quốc gia Mũi Né trong vùng tỉnh Bình Thuận và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Nam Tây Nguyên.

- Phân tích, đánh giá mối liên hệ giao thông liên vùng đến quá trình lập quy hoạch và phát triển để khai thác lợi thế của Khu du lịch quốc gia Mũi Né, trong đó chú trọng: Nghiên cứu tác động của sân bay Phan Thiết, đường bộ cao tốc Bắc - Nam và các dự án giao thông quan trọng khác.

- Nghiên cứu mối liên hệ giữa phát triển du lịch Khu du lịch quốc gia Mũi Né với các điểm du lịch khác trong tỉnh Bình Thuận, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Nam Tây Nguyên, đặc biệt thành phố Đà Lạt, vùng Đông Nam Bộ, các khu du lịch quốc gia, các trung tâm du lịch quốc tế.

b) Phân tích và đánh giá hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội và du lịch, các đặc điểm văn hóa (chú trọng văn hóa Chăm), đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, an ninh quốc phòng và những yếu tố đặc thù ảnh hưởng tới Khu du lịch quốc gia Mũi Né.

- Đánh giá về nội dung, tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, các quy hoạch ngành có liên quan và các dự án đã có, đang còn hiệu lực có tác động đến định hướng đã xác định tại Quy hoạch 1772.

- Phân tích đánh giá để giải quyết được tồn tại, mâu thuẫn giữa phát triển du lịch với việc khai thác, đánh bắt, chế biến hải sản; phân tích đánh giá khả năng khai thác quỹ đất xây dựng du lịch đảm bảo phù hợp và hiệu quả. Xác định các yếu tố hạn chế, thách thức và động lực phát triển du lịch, xác định các vấn đề tồn tại cần giải quyết trong quy hoạch.

c) Dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Dự báo quy mô dân số, đất đai, phát triển kinh tế.

- Dự báo nhu cầu phát triển du lịch: Khách du lịch (nội địa và quốc tế), loại hình du lịch, đất xây dựng phục vụ du lịch.

- Căn cứ các tiêu chuẩn ngành, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho từng khu vực trong Khu du lịch quốc gia Mũi Né, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm

và hiệu quả, phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2019/BXD.

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tuân thủ theo QCVN 01:2019/BXD và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan, đảm bảo phù hợp với đặc thù của từng khu vực trong Khu du lịch quốc gia.

d) Định hướng phát triển không gian:

- Xác định cấu trúc phát triển xây dựng không gian chung toàn Khu du lịch quốc gia Mũi Né, hướng phát triển và nguyên tắc phát triển đối với từng phân khu chức năng của Khu du lịch quốc gia Mũi Né.

- Định hướng tổ chức không gian phát triển các phân khu chức năng, các sản phẩm du lịch đặc trưng. Xác định các không gian điểm nhấn, không gian đặc thù, không gian tập trung đầu tư phát triển của khu du lịch quốc gia, không gian cửa ngõ, cảng đầu mối, trục cảnh quan, không gian bảo tồn thiên nhiên, văn hóa; không gian cấm xây dựng thuộc các khu đất quốc phòng, công trình quốc phòng và các khu vực địa hình có giá trị ưu tiên cho quốc phòng được quản lý theo quy định tại Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cả nước giai đoạn 2011 - 2020;... đảm bảo phù hợp với Quy hoạch 1772 và khai thác du lịch một cách hợp lý, hài hòa, bền vững.

- Cập nhật, làm rõ, đề xuất những điều chỉnh cần thiết đối với các phân khu chức năng của Khu du lịch quốc gia Mũi Né nằm trong phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch chung thành phố Phan Thiết đến năm 2040.

- Đối với các khu vực đô thị và dân cư nông thôn trong ranh giới lập quy hoạch: Đề xuất các giải pháp phát triển du lịch phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với sự phát triển của khu dân cư hiện trạng và đảm bảo tuân thủ các quy hoạch đã được phê duyệt; cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng, định hướng các không gian phát triển du lịch cộng đồng, hệ thống các công trình hạ tầng xã hội,... trên cơ sở gắn kết và bổ trợ giữa Khu du lịch quốc gia Mũi Né với các khu dân cư.

đ) Thiết kế đô thị: Tuân thủ các nội dung được quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng trên nguyên tắc phù hợp với điều kiện tự nhiên và tính chất, sản phẩm đặc thù của Khu du lịch quốc gia Mũi Né, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương, ứng dụng kỹ thuật, vật liệu, công nghệ mới phù hợp.

e) Định hướng quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng được xác định tại Quy hoạch 1772 theo các giai đoạn, các quỹ đất dự trữ phát triển, quỹ đất xây dựng phát triển du lịch, các đầu mối cơ sở hạ tầng và phục vụ du lịch, đảm bảo

khai thác và sử dụng đất đai hiệu quả. Xác định các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đối với từng khu chức năng.

g) Định hướng hạ tầng kỹ thuật: Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung và các tuyến liên kết các khu chức năng, liên kết không gian xanh,... đảm bảo phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, kết nối và đồng bộ với định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật của các khu lân cận.

- Chuẩn bị kỹ thuật: Xác định cao độ nền xây dựng cho các phân khu chức năng; các giải pháp bảo vệ địa hình địa mạo của khu vực, giảm thiểu tối đa việc san lấp; phân lưu vực tiêu thoát nước chính, hướng thoát nước, vị trí, quy mô công trình tiêu thoát nước. Đề xuất định hướng, giải pháp hạn chế các ảnh hưởng, tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tuân thủ quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Giao thông: Xác định vị trí, quy mô công trình giao thông đầu mối, cảng đầu mối, xác định cơ cấu phương tiện; phân loại, phân cấp và tổ chức mạng lưới giao thông trong các phân khu và kết nối với các tuyến giao thông đối ngoại trên cơ sở cập nhật các dự án chiến lược và quốc gia; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống giao thông tĩnh (bến, bãi đỗ xe, bến cảng,...); xác định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật.

- Cấp nước: Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước, nguồn nước (trữ lượng, chất lượng) đặc biệt là các nguồn nước mặt, ngầm... Đưa ra các giải pháp cấp nước cho khu du lịch quốc gia.

- Cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc: Tính toán nhu cầu sử dụng điện năng, xác định chỉ tiêu sử dụng điện của các phân khu chức năng; xác định vị trí công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải; tính toán công suất, vị trí bố trí trạm biến áp cho toàn khu; xác định các trạm phân phối, tuyến trung thế và các tuyến hạ thế; thiết kế mạng lưới điện, mạng lưới điện chiếu sáng cho toàn khu. Hệ thống thông tin liên lạc toàn khu.

- Chất thải rắn: Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng chất thải rắn phát sinh theo từng giai đoạn, đưa ra giải pháp thu gom xử lý chất thải cho toàn khu. Xác định vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn.

- Thoát nước thải: Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải toàn khu; thiết kế mạng lưới thoát nước thải; hướng thoát nước thải... cho toàn khu và từng khu chức năng chính; định hướng vị trí, quy mô của các cơ sở xử lý nước thải trong khu du lịch và giải pháp kiểm soát nước thải.

h) Đánh giá môi trường chiến lược: Xác định vấn đề, hiện trạng môi trường chính; dự báo diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch; đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất

các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường; các vấn đề môi trường chiến lược liên quan đến môi trường nước, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ rừng phòng hộ. Đặc biệt chú trọng đến vấn đề biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

i) Đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư, sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện: Đề xuất các chương trình dự án ưu tiên đầu tư thực hiện, nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là giai đoạn 5 năm đầu. Đề xuất lộ trình, phân kỳ thực hiện các dự án đầu tư theo từng giai đoạn. Đề xuất giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện dự án.

9. Sơ bộ các vấn đề cần giải quyết trong đồ án quy hoạch:

- Đảm bảo phù hợp với định hướng của Quy hoạch 1772 và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt. Đồng thời, cập nhật, làm rõ và đề xuất điều chỉnh (nếu cần thiết) đối với Quy hoạch chung thành phố Phan Thiết, đảm bảo phù hợp với tính chất, chức năng của khu du lịch quốc gia.

- Đảm bảo phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né theo hướng: Tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan và các đồi cát; tập trung phát triển du lịch theo chiều sâu, chú trọng chất lượng và hiệu quả, đa dạng về sản phẩm.

- Giải quyết một số vấn đề hạn chế chính của khu vực lập quy hoạch:

+ Nghiên cứu, đưa ra giải pháp cụ thể khắc phục hiện trạng khu vực ven biển (các quỹ đất ven biển còn trống, bị bỏ hoang, dự án treo, mở các lối ra tiếp cận biển cho người dân địa phương cũng như khách du lịch...).

+ Nghiên cứu, đưa ra giải pháp phát triển, hoàn thiện và đồng bộ hệ thống hạ tầng du lịch: Mở các nút giao, các tuyến đường ngang từ đường cao tốc Bắc - Nam (dự kiến), các đường nội thị ra biển, đường đi bộ ven biển...

+ Nghiên cứu, đề xuất giải pháp giải quyết tình trạng chồng lấn quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch đối với các khu vực khai thác khoáng sản (Titan) và khu vực dự trữ quặng sa khoáng titan.

+ Nghiên cứu, đề xuất giải pháp về định hướng cấp nước phục vụ phát triển khu du lịch.

+ Nghiên cứu, đề xuất giải pháp hình thành hệ thống thu gom và xử lý nước thải và rác thải.

+ Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo vệ danh thắng Bàu Trắng, đồi cát bay Mũi Né.

+ Nghiên cứu, đề xuất giải pháp chống xâm thực bờ biển.

- Đảm bảo phát huy tối đa thế mạnh, nắm bắt cơ hội và khắc phục điểm yếu, thách thức; tạo sự phát triển bền vững, lâu dài cho khu vực nghiên cứu.

- Quy hoạch không gian phát triển khu vực nghiên cứu hợp lý, khoa học, đầy đủ các chức năng cần thiết và theo đúng quy định về nội dung đồ án quy

hoạch chung xây dựng được quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

10. Yêu cầu về hồ sơ sản phẩm:

Thành phần hồ sơ và nội dung đề án thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

11. Thời gian lập quy hoạch: Không quá 12 tháng sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

12. Nguồn kinh phí thực hiện lập quy hoạch: Từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bình Thuận và do Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng Nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 02 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Ban Công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (TH, 09b) Tấn Duy

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng